

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI - BẠC TRUNG HỌC CƠ SỞ
TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2017 CỦA CÁC ĐƠN VỊ GIÁO DỤC QUẬN 5**

S T T	Mã số đăng ký	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Môn dự tuyển
1	1	Q5.THCS.001	Lê Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	21/07/1994	Nữ	186/3/6 Trần Phú - P9 - Q5	T. Anh
2	20	Q5.THCS.002	Nguyễn Văn	Nguyên	06/08/1992		513/7 Điện Biên Phủ - P3 - Q3	Ngữ Văn
3	28	Q5.THCS.003	Nguyễn Ngọc Bích	Như	26/11/1993	Nữ	107B/407 Lầu 4 Trần Hưng Đạo - P6 - Q5	Toán
4	31	Q5.THCS.005	Nguyễn Thị Loan	Phuong	04/09/1989	Nữ	129/7A Lạc Long Quân nổi dài - P1 - Q11	Hóa
5	34	Q5.THCS.006	Lê Bảo	Châu	04/10/1994	Nữ	327/45 Trần Bình Trọng - P4 - Q5	T. Anh
6	42	Q5.THCS.007	Chu Tiến	Đạt	11/01/1992		14 tầng 8 C/c Khang Gia - Quang Trung - P14 - Q.GV	Vật lý
7	46	Q5.THCS.008	Phạm Thị Ánh	Hồng	27/11/1982	Nữ	118/91 Nguyễn Đỗ Cung - P. Tây Thạnh - Q. Tân Phú	Ngữ Văn
8	48	Q5.THCS.009	Võ Vân	Thi	16/08/1991	Nữ	944/20 đường 30/4 - P11 - TP. Vũng Tàu.	Vật lý
9	49	Q5.THCS.010	A Thị Thu	Hiền	26/04/1990	Nữ	51 KP 3 - Đường 1A Khu Nam Hùng Vương - P. An Lạc - Q. Bình Tân	Ngữ Văn
10	53	Q5.THCS.011	Nguyễn Trọng	Luân	04/08/1987		Hòa Bình - Xã Vĩnh Hựu - Gò Công Tây - Tiền Giang	Ngữ Văn
11	5	Q5.THCS.012	Nguyễn Chính Minh	Nhật	15/10/1987		27 đường 14 - P8 - Q. Gò Vấp	Toán
12	59	Q5.THCS.013	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	17/07/1993	Nữ	3/6 Trường Chinh - Khu phố 4 - P. Tân Thới Nhất - Q12	Ngữ Văn
13	60	Q5.THCS.014	Nguyễn Khắc Hoàng	Danh	18/09/1994		583 Cách mạng tháng 8 - P15 - Q10	Hóa học
14	61	Q5.THCS.015	Nguyễn Thanh	Thế	27/06/1992		98 Trần Thủ Độ - P. Phú Thạnh - Q. Tân Phú	Thể dục
15	64	Q5.THCS.016	Trần Thị Lan	Hương	15/10/1990	Nữ	15/2/11 Cầu Xéo - P. Tân Quý - Q. Tân Phú	Ngữ Văn
16	65	Q5.THCS.017	Ngô Quang	Phát	02/07/1988		111/7 Lê Đình Cẩn - P. Tân Tạo - Q. Bình Tân	Địa lý
17	66	Q5.THCS.018	Mai Ngọc Bích	Tuyền	19/05/1995	Nữ	479/18A Tân Hòa Đông - P. Bình Trị Đông - Q. Bình Tân	KTNC
18	67	Q5.THCS.019	Lê Thị	Trinh	20/11/1990	Nữ	135/5F Tổ 31 Tam Đông 2 - X. Thới Tam Thôn - H. Hóc Môn	Sinh học
19	69	Q5.THCS.020	Bùi Thị Thu	Vân	02/09/1991	Nữ	73/9 Bùi Minh Trực - P5 - Q8	T. Anh
20	70	Q5.THCS.021	Đinh Thanh	Hà	16/01/1994	Nữ	838C Lầu 3 Nguyễn Trãi - P14 - Q5	Toán
21	71	Q5.THCS.022	Trần Văn	Hậu	16/02/1993		Tổ 10 - ấp Xóm Đồng - X. Tân Phú Trung - H. Củ Chi	KTCN



22	72	Q5.THCS.023	Phạm Thị Huyền	Trang	15/02/1990	Nữ	204 lô B C/c Sơn Kỳ - P. Sơn Kỳ - Q. Tân Phú	Toán
23	73	Q5.THCS.024	Trần Thị Ngọc	Như	13/09/1992	Nữ	52/9 Gia Phú - P13 - Q5	KTNC
24	74	Q5.THCS.025	Đỗ Nhật	Linh	13/12/1996	Nữ	96 Lý Chiêu Hoàng - P10 - Q6	GDCD
25	77	Q5.THCS.026	Hồ Thị Yến	Phi	17/06/1993	Nữ	1017/102A Hồng Bàng - P12 - Q6	Hóa học
26	80	Q5.THCS.027	Nguyễn Hạnh	Huyền	01/09/1983	Nữ	C04-22 blockC C.c Bộ CA 83 đường 3 - P. Bình An - Q2	Toán
27	82	Q5.THCS.028	Phan Thị	Thúy	13/10/1992	Nữ	F2/27A1 ấp 6 - Xã Vĩnh Lộc A - H. Bình Chánh	Lịch sử
28	84	Q5.THCS.029	Trần Nhật	Minh	14/03/1993		65/66/18 Tổ 8 - Đường 5 - Khu phố 2 - P. Linh Xuân - Q. Thủ Đức	Hóa học
29	88	Q5.THCS.030	Nguyễn Vĩnh	Phúc	09/09/1994		727/165 Trần Hưng Đạo - P1 - Q5	Hóa học
30	89	Q5.THCS.031	Lê Ngọc Vân	Đan	01/08/1996	Nữ	243/6 Hoàng Hoa Thám - P5 - Q, Phú Nhuận	Hóa học
31	93	Q5.THCS.032	Trang Anh	Kiệt	09/06/1995		55/1B Nguyễn Hồng - P11 - Q, Bình Thạnh	T. Anh
32	13	Q5.THCS.033	Trương Thị Linh	Ân	30/04/1982	Nữ	436A/16 Tổ 15 - KP3 - P. Tân Hưng - Q7	Nhạc
33	100	Q5.THCS.034	Nguyễn Lê Hồng	Hạnh	06/11/1994	Nữ	2683A/6 Phạm Thế Hiển - P7 - Q8	T. Anh
34	101	Q5.THCS.035	Nguyễn Dương Thùy	Linh	30/03/1994	Nữ	1724/5 Tỉnh lộ 10 - P. Tân Tạo - Q. Bình Tân	Địa lý
35	103	Q5.THCS.036	Ngô Rô Đô	Mìn	22/09/1992		417/21 An Dương Vương - P3 - Q5	GDCD
36	104	Q5.THCS.037	Nguyễn Thị Kim	Lê	17/07/1987	Nữ	152/36/39H1 Lạc Long Quân - P3 - Q11	Sinh học
37	11	Q5.THCS.038	Lê Thanh	Hùng	10/09/1991		75/3C Khu phố 3 - P. Tân Thới Hiệp - Q12	Thể dục
38	108	Q5.THCS.039	Nguyễn Thị Hương	Lan	20/03/1995	Nữ	693/3 Phạm Thế HIỂN - P4 - Q8	T. Anh
39	138	Q5.THCS.040	Nguyễn Thị Thanh	Truyền	14/06/1990	Nữ	103/57 Hồ Thị Kỷ - P1 - Q10	Nhạc
40	114	Q5.THCS.041	Trần Thị Châu	Nhi	25/10/1995	Nữ	Ấp An Hòa - Xã Tam Thôn Hiệp - H. Cần Giờ	KTNN
41	116	Q5.THCS.042	Nguyễn Minh	Son	29/08/1992		E2/62 Ấp 5 - Xã Hưng Long - H. Bình Chánh	Lịch sử
42	118	Q5.THCS.043	Đinh Thùy	Trang	16/09/1996	Nữ	A1/11C Tổ 1 - Ấp 1 - Xã Lê Minh Xuân - H. Bình Chánh	Ngữ Văn
43	122	Q5.THCS.044	Lê Thanh	Tùng	25/10/1994		263 Nguyễn Văn Luông - P12 - Q6	T. Anh
44	123	Q5.THCS.045	Thái Hồng Tiểu	Linh	25/08/1996	Nữ	38/10-11 Phạm Đôn - P10 - Q5	Toán
45	128	Q5.THCS.046	Võ Thành	Phát	03/12/1994		35/23 Nguyễn Ngọc Lộc - P14 - Q10	Hóa
46	131	Q5.THCS.047	Lâm Ngọc	Dung	24/01/1986	Nữ	233/17/16 Vĩnh Viễn - P4 - Q10	T. Anh
47	133	Q5.THCS.048	Nguyễn Văn	Lực	20/03/1993		456/53/24/9/6 Tổ 16 - Khu phố 7 - TT. Nhà Bè	Sinh học
48	134	Q5.THCS.049	Nguyễn Minh	Vũ	23/10/1988		175/19 Lê Hồng Phong - P3 - Q5	Toán
49	136	Q5.THCS.050	Đinh Thị	Hương	02/06/1990	Nữ	C2/56 Ấp 3 - Xã Tân Nhựt - H. Bình Chánh	Lịch sử
50	137	Q5.THCS.051	Trịnh Thị	Huyền	22/04/1985	Nữ	6.16 (611)CC Bình trị Đông B-KP4-P. Bình Trị Đông B-Q. Bình Tân	GDCD
51	139	Q5.THCS.052	Đỗ Thị Kim	Giàu	29/09/1990	Nữ	Ấp Vĩnh Thành - Xã Vĩnh Trường - H. An Phú - Tỉnh An Giang	Toán

52	140	Q5.THCS.053	Nguyễn Văn	Hoàng	12/07/1991		359/2T Lê Văn Sỹ - P12 - Q3	KTCN
53	141	Q5.THCS.054	La Kim	Loan	13/12/1995	Nữ	65/2C An Dương Vương - P8 - Q5	Toán
54	143	Q5.THCS.055	Trần Thị	Huệ	25/03/1995	Nữ	18A Lê Thận - P. Hiệp Tân - Q. Tân Phú	Toán
55	144	Q5.THCS.056	Lương Thị Diệu	Hằng	15/10/1992	Nữ	An Mỹ-An Bằng - Xã Vinh An - H. Phú Vang - Tỉnh Thừa Thiên Huế	Ngữ Văn
56	146	Q5.THCS.057	Lê Thiện	Thơ	17/10/1993		28/11C Lương Văn Can - P15 - Q8	T. Anh
57	148	Q5.THCS.058	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	19/07/1994	Nữ	165M Nguyễn Thành Vĩnh - Khu phố 6 - P. Trung Mỹ Tây - Q12	Ngữ Văn
58	149	Q5.THCS.059	Nguyễn Quang Vĩnh	Lộc	05/02/1993		77/5 Ngô Gia Tự - P2 - Q10	T. Anh
59	152	Q5.THCS.060	Lê Vũ	Long	11/08/1989		588/4B Hồng Bàng - P16 - Q11	Vật lý
60	156	Q5.THCS.061	Đào Khắc	Duy	26/05/1995		2549/28/3/5 Phạm Thế Hiển - P7 - Q8	Thế dục
61	158	Q5.THCS.062	Nguyễn Minh	Hải	11/09/1990		E6/120 Ấp 6 - Xã Tân Nhựt - H. Bình Chánh	Vật lý
62	159	Q5.THCS.063	Tăng Trường	An	13/06/1990		15 Nguyễn Trọng Tuyển - P15 - Q. Phú Nhuận	Nhạc
63	160	Q5.THCS.064	Lê Thị	Lành	04/03/1990	Nữ	140/4 Phạm Văn Chiêu - P9 - Q. Gò Vấp	Ngữ Văn
64	161	Q5.THCS.065	Bùi Thị	Thảo	22/04/1993	Nữ	307 Duyên Hải - Khu phố Miếu Ba - TT. Cần Thạnh - H. Cần Giờ	Ngữ Văn
65	162	Q5.THCS.066	Nguyễn Trần Phương	Ngân	25/08/1993	Nữ	313/19 Nguyễn Tiểu La - P8 - Q10	T. Anh
66	163	Q5.THCS.067	Nguyễn Xuân	Hòa	22/11/1992	Nữ	550/2A Khu phố Phong Thạnh - TT. Cần Thạnh - H. Cần Giờ	Vật lý
67	164	Q5.THCS.068	Trần Nguyên	Bình	18/11/1995		59/3D Ấp Tân Thới Tây 2 - Xã Tân Hiệp - H. Hóc Môn	T. Anh
68	167	Q5.THCS.069	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/09/1993	Nữ	64/31K Hòa Bình - P5 - Q11	Ngữ Văn
69	171	Q5.THCS.070	Nguyễn Văn	Phúc	18/02/1984		151/1/43 Lạc Long Quân nổi dài - P1 - Q11	Toán
70	173	Q5.THCS.071	Trần Vĩ	Nghĩa	27/10/1988		4 Phương Cầu - P. Vạn Thạnh - Nha Trang	Toán
71	174	Q5.THCS.072	Võ Thị Mỹ	Trang	15/06/1992	Nữ	49/44 Âu Cơ - P14 - Q11	GDCD
72	176	Q5.THCS.073	Võ Thị Thu	Loan	25/03/1988	Nữ	343/9 Ngô Gia Tự - Khu 2 - P. Tân Tài - Phan Rang_Tháp Chàm	Ngữ Văn
73	181	Q5.THCS.074	Thái Thị	Trang	13/03/1990	Nữ	18/19 Đường 4 - P. Long Trường - Q9	Toán
74	184	Q5.THCS.075	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/02/1992	Nữ	05 Tân Thành - P. Hòa Thanh - Q. Tân Phú	Vật lý
75	187	Q5.THCS.076	Hoàng Thị Lan	Hương	01/06/1991	Nữ	17/11 Đường 762 Hồng Bàng - P1 - Q11	Lịch sử

Ngày 18 tháng 7 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thanh Hải